TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2019/HNGĐ-ST
Ngày:18-7-2019.
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Võ Thị Kim Loan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:60/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:31/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Nguyễn Thị B**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 384, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

***2. Bị đơn*: Nguyễn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị B, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T sống chung với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2013. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi. Vợ chồng đã không còn

sống chung từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Chị nhận thấy chị và anh T đã không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn T có một con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày 12/10/2015, hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn T: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn T, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 12/10/2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2013, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị B cho rằng anh T cờ bạc, không lo làm ăn,

không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi. Anh chị đã ly thân khoảng một năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T khi mới phát sinh không lớn nhưng anh chị không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng không còn sống chung một năm nay, quá trình ly thân chị B và anh T hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia hòa giải và cũng không đến dự phiên tòa. Tại phiên tòa, chị B vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn T có một con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày 12/10/2015. Xét thấy con chung của anh T, chị B chưa thành niên cần có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hiện tại cháu đang sống chung với mẹ. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị B có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 12/10/2015 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị B chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 19739 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị B đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND T, H.T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương